TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2019/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 25 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 297/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Đinh Trọng K, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu Đ, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Đinh Trọng K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Chị Vũ Thị T và anh Đinh Trọng K thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Đinh Trọng K có 01 con chung là Đinh Lan C, sinh ngày 24 - 02 - 2018. Ly hôn, chị T và anh K thống nhất giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đinh Lan C, sinh ngày 24 - 02 - 2018 đến khi thành niên. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền

nuôi con chung là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng đến khi con chung thành niên kể tử tháng 2/2019. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công nợ: Chị Vũ Thị T và anh Đinh Trọng K đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ K 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; K 7 Điều 26, điểm b K 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chị Vũ Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, gồm: 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0003163 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của C cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TX Q;
- C cục THADS TX Q;
- UBND phường C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga